

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.						0.0000	± 0.002	0.000 <sup>+0</sup>	<sup>+0</sup> -0.005
△	2014/11/24	作動安定と材質変更(SKD11-WC(D30/HIP)(S029298-S934990)	VDM-LK-14-032	Chen_Jing_Fu	Chang_Fu_Rung	0.000	± 0.005	0.000 <sup>-0</sup>	<sup>+0</sup> -0.005
△						0.00	± 0.01	0.00 <sup>+0</sup>	<sup>+0</sup> -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 <sup>-0</sup>	<sup>+0</sup> -0
△						0.	± 0.2	0.0 <sup>+0</sup>	<sup>+0</sup> -0.1
								0.0 <sup>-0</sup>	<sup>+0</sup> -0

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

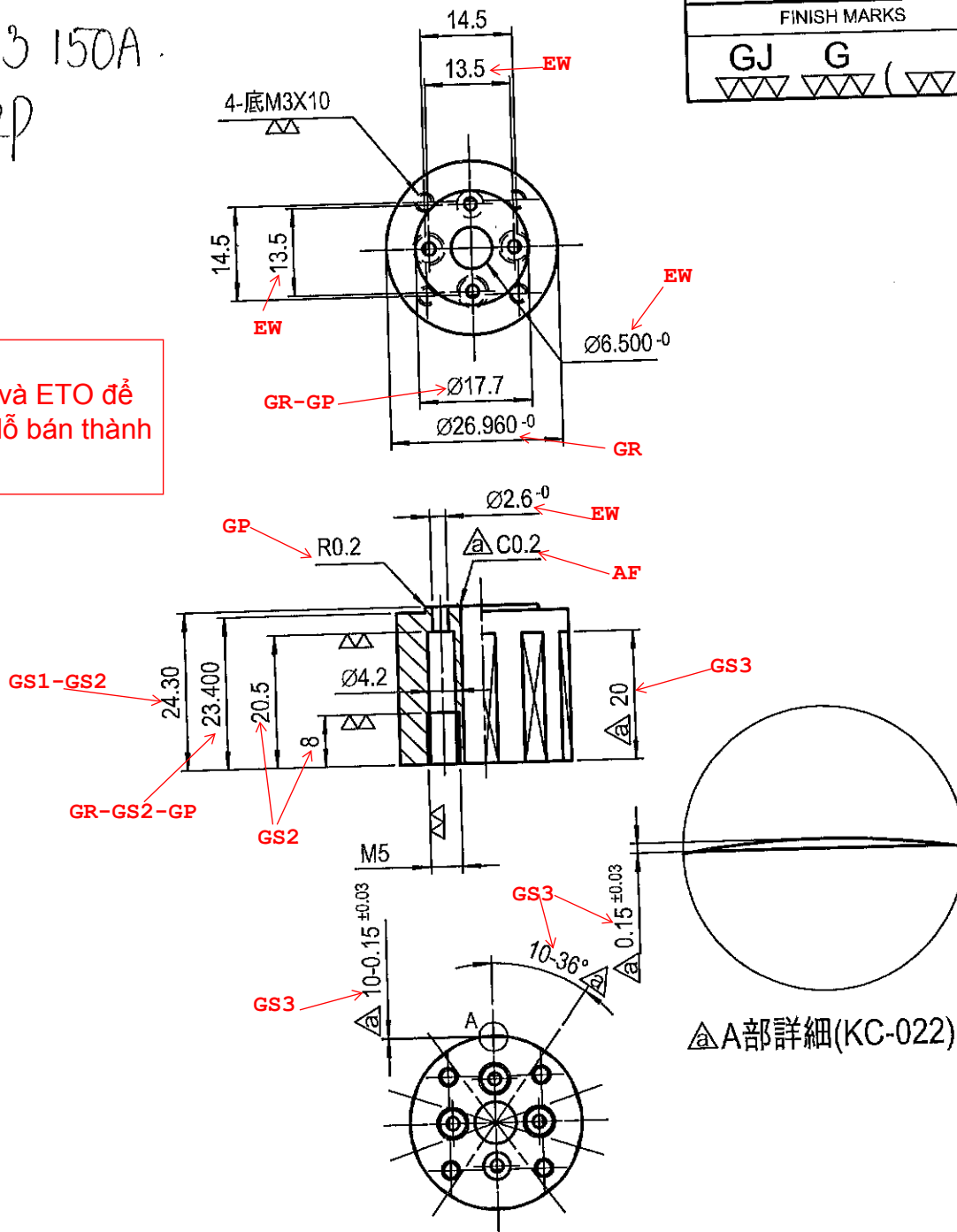
GJ G (▽▽)

213203 150A.

2P

EW chú ý:

-Dùng Pin và ETO để  
cạnh theo lỗ bán thành  
phẩm.



△A部詳細(KC-022)

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Chen_Jing_Fu	Chang_Fu_Rung	部品図		プッシュバックプレート	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		PUSH-BACK PLATE	
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		推回板	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2014/11/24	1:1		S934990	

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

BSP S934990

(TR=2P)  
3/22

414 203 0233

SNO: **S934990**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>BTP</b> <b>S934990</b>	GS1:20 EW:130 GR:120 GS2:60 GP:90 GS3:90 AF:20 KT